

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/10/2019

V/v: “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Trương

2. Bà Phạm Thị Thu Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2019, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần B tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 20/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đôi lúc vẫn có cãi nhau. Đến năm 2016 vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào ngày 09/6/2016 vì những lý do nhỏ nhặt trong gia đình mà anh B đã đánh chị, đuổi chị ra khỏi nhà rồi lấy đồ dùng cá nhân của chị ra đường. Tháng 12/2017, chị có gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh B, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết

thì anh B hứa hẹn thay đổi. Vì thương các con không muốn các con phải sống thiếu cha, thiếu mẹ nên tại phiên tòa xét xử vào ngày 27/3/2018 chị đã rút đơn khởi kiện trở về đoàn tụ chung sống với anh B. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện về chung sống nhưng anh B vẫn không thay đổi, cuộc sống chung vẫn không có hạnh phúc. Nay chị cảm thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị B1, sinh ngày 12/12/2011 và Trần Thị B2, sinh ngày 26/5/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B1, anh B nuôi dưỡng cháu B2, không bên nào cấp dưỡng cho con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần B được ly hôn.

Giao con chung tên Trần Thị B1, sinh ngày 12/12/2011 cho chị H nuôi dưỡng; giao con chung tên Trần Thị B2, sinh ngày 26/5/2014 cho anh B nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho con cho bên nào.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Trần B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Trần B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, bị đơn không quan

tâm đến gia đình, đánh đập nguyên đơn. Nguyên đơn đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bị đơn không thay đổi nên giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017 nguyên đơn có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng thời điểm đó bị đơn đến Tòa án hứa hẹn thay đổi và động viên nên rút đơn khởi kiện.

Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã mời hai bên đến để hòa giải, động viên anh chị trở lại đoàn tụ chung sống, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H không những không đồng ý mà còn cương quyết yêu cầu ly hôn anh B. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] *Về con chung*: Nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung là yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị B1, sinh ngày 12/12/2011, anh B nuôi dưỡng cháu Trần Thị B2, sinh ngày 26/5/2014, không bên nào cấp dưỡng cho con cho bên nào. Tại bản tự khai ngày 26/7/2019 cháu B1 trình bày nguyện vọng là muốn được ở với ba. Tuy nhiên, hiện nay anh B thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hơn nữa, các cháu hiện nay vẫn chưa trưởng thành chưa tự chăm sóc bản thân được nên cần sự chăm sóc của cha hoặc mẹ. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Do đó, xét thấy nguyện vọng muốn nuôi con chung là Trần Thị B1 của chị H là chính đáng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B1, giao cháu B2 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đều không có đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại B lai thu tiền số 0003888 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị H được ly hôn bị đơn Trần B.

2. Giao cháu Trần Thị B1, sinh ngày 12/12/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị B2, sinh ngày 26/5/2014, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Chị H và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003888, ngày 11 tháng 4 năm 2019. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/10/2019). Đối với anh Trần B không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

